TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH LĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 40/2024/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 24 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬNTHUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Chí B, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện D, tỉnh LĐ và chị Nguyễn Thị Thuỳ V, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 17 thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh LĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Chí B và chị Nguyễn Thị Thuỳ V kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh LĐ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Thôn 6 xã T, huyện D, tỉnh LĐ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không còn yêu thương, chăm sóc gì đến nhau nữa và đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Nay anh B và chị V xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh B, chị V là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Hai bên xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 26/12/2022. khi ly hôn anh B và chị V thỏa thuận: chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không đề cập.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Chí B và chị Nguyễn Thị Thuỳ V thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, thỏa thuận này của anh B và chị V là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí B và chị Nguyễn Thị Thuỳ V thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 26/12/2022 cho chị Nguyễn Thị Thuỳ V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Chí B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Chí B và chị Nguyễn Thị Thuỳ V thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh B, chị V đã nộp theo biên lai thu số 0005664 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh LĐ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Vui